

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản đá bazan làm vật liệu xây dựng
thông thường và làm đá ốp lát tại khu vực mỏ đá xã Biện Thượng,
tỉnh Thanh Hóa đối với Công ty TNHH đá Tuấn Thịnh
(Trừ lượng tính đến ngày 21 tháng 7 năm 2025)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản số
147/2025/QH15 ngày 11/12/2025; Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 158/2016/NĐ-CP ngày
29/11/2016 quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản; số 193/2025/NĐ-
CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa
chất và khoáng sản; số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 quy định chi tiết một số
điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, quy định chi tiết Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Số
37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 quy định về mẫu báo cáo, tài liệu, giấy
phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; số 40/2025/TT -
BNNMT ngày 02/7/2025 về việc Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên
khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với
từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng
sản; số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều
của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;*

*Căn cứ Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND tỉnh
Thanh Hóa về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản
mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh
Lộc (nay là xã Biện Thượng), tỉnh Thanh Hóa;*

Căn cứ Giấy phép thăm dò số 89/GP-UBND tỉnh ngày 26/7/2023 của UBND tỉnh về việc cho phép Công ty TNHH đá Tuấn Thịnh được thăm dò khoáng sản đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc (nay là xã Biện Thượng), tỉnh Thanh Hóa;

Xét Hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản của Công ty TNHH đá Tuấn Thịnh đề ngày 12/12/2025 nộp tại Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 649/TTr-SNNMT ngày 05/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản theo “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường và làm đá ốp lát tại khu vực mỏ đá xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung chính sau đây:

1. Diện tích khu vực công nhận kết quả thăm dò khoáng sản: 15,0 ha, có tọa độ xác định tại Phụ lục I và Bình đồ phân khối tính trữ lượng (Bình đồ phân bố thân quặng) kèm theo Quyết định này.

2. Công nhận trữ lượng khoáng sản đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường và làm đá ốp lát đã tính trong báo cáo (khoáng sản chính) là: 9.678.682 m³, trong đó:

- Đá bazan làm VLXD thông thường: 8.081.699 m³, gồm:

+ Trữ lượng cấp 121 là 2.764.199 m³;

+ Trữ lượng cấp 122 là 5.317.500 m³.

- Đá bazan làm đá ốp lát (độ nguyên khối $\geq 0,1\text{m}^3$): 1.596.983 m³, gồm:

+ Trữ lượng cấp 121 là 546.219 m³;

+ Trữ lượng cấp 122 là 1.050.764 m³.

3. Tài nguyên cấp 333: 0 m³.

4. Khoáng sản đi kèm: Đất làm vật liệu san lấp, khối lượng: 1.663.188 m³.

5. Mức sâu thấp nhất các khối trữ lượng; thống kê chi tiết trữ lượng khoáng sản theo khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty TNHH Đá Tuấn Thịnh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số liệu, thông tin trong báo cáo kết quả thăm dò của đơn vị.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về các số liệu, nội dung trong hồ sơ thẩm định, báo cáo UBND tỉnh.

3. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Công ty TNHH Đá Tuấn Thịnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia;
- TT Thông tin, Lưu trữ và Bảo tàng địa chất;
- Lưu: VT, CN (T05.41).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Cao Văn Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

**TỌA ĐỘ KHU VỰC CÔNG NHẬN
KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**
**Khoáng sản đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường và làm đá ốp
lát tại xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa**
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
1	2215 507,00	577 883,00
2	2215 474,10	578 332,17
3	2215 948,30	578 391,69
4	2215 917,17	578 208,56
5	2215 802,71	578 068,79
Diện tích mỏ S = 15,0 ha		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN
Khoáng sản đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường và làm đá ốp
lát tại xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất (m)	Trữ lượng đá bazan (m ³)		Ghi chú
			Cấp 121	Cấp 122	
1	1-122	+ 60		34.200	
2	1-121	+ 60	798.763		
3	1-121	+ 60	2.511.655		
4	2-122	+ 60		6.334.064	
Cộng			3.310.418	6.368.264	
Tổng trữ lượng đá bazan (khoáng sản chính)			9.678.682		
Trữ lượng đá bazan làm VXLD (chiếm 83,5% TL đá)			2.764.199	5.317.500	
			8.081.699		
Trữ lượng đá bazan làm đá ốp lát theo độ nguyên khối $\geq 0,1\text{m}^3$ (chiếm 16,5% TL đá)			546.219	1.050.764	
			1.596.983		
Đất làm vật liệu san lấp (Khoáng sản đi kèm)			1.663.188		